

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /2005/QĐ-UB

NQ
Thị xã Cao Lãnh, ngày 18 tháng 3 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
Về việc ban hành Quy định Tiêu chí làng nghề tiểu, thủ công nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban dân dân do Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 10 tháng 12 năm 2003;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp Đồng Tháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Tiêu chí làng nghề tiểu, thủ công nghiệp áp dụng trong tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 48/2002/QĐ-UB ngày 04 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Quy định Tiêu chí làng nghề tiểu, thủ công nghiệp.

Giao Giám đốc Sở Công nghiệp chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành Tỉnh liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phổ biến, triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP I-II;
- Bộ Công nghiệp;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch & các PCT/UBND Tỉnh;
- Các Ban Đảng, Đoàn thể Tỉnh;
- Lưu VT + NC/UB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *nm*
CHỦ TỊCH



Hân
Trương Ngọc Hân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về Tiêu chí làng nghề tiêu, thủ công nghiệp áp dụng trong tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /2005/QĐ-UB
ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Để làm cơ sở xét công nhận làng nghề và tạo điều kiện bảo tồn, khôi phục làng nghề truyền thống, xây dựng và phát triển làng nghề mới, Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định về tiêu chí công nhận làng nghề tiêu, thủ công nghiệp như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Trong quy định này các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Làng nghề: là địa bàn dân cư khóm, ấp có hoạt động dịch vụ, sản xuất tiêu, thủ công nghiệp một hoặc nhiều sản phẩm khác nhau mà nguồn thu nhập từ dịch vụ, sản xuất tiêu, thủ công nghiệp là nguồn thu nhập quan trọng trong các hộ gia đình, các tổ chức kinh tế.

Tên làng nghề gắn liền với tên của nghề và tên của khóm, ấp. Nếu khóm, ấp có nhiều nghề, thì tên của làng nghề được lấy tên nghề có giá trị sản xuất và thu nhập cao nhất gắn với tên khóm, ấp.

2. Làng nghề truyền thống: là khóm (ấp) có nghề đã hình thành nhiều năm và được lưu truyền ít nhất 3 thế hệ (ông bà, cha mẹ, con) có sản phẩm nổi tiếng ở địa phương nhiều người biết đến.

3. Làng có nghề: là khóm (ấp) có hoạt động nghề nhưng các điều kiện chưa đạt tiêu chí làng nghề được quy định tại khoản 2, Điều 2 của Quy định này, là đối tượng được khuyến khích để trở thành làng nghề.

4. Thành viên của các làng nghề bao gồm: các hiệp hội, hội nghề nghiệp, hộ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã và các doanh nghiệp hoạt động sản xuất tiêu, thủ công nghiệp.

5. Ngành nghề tiêu, thủ công nghiệp bao gồm:

- Sản xuất hàng tiêu, thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ.
- Sản xuất hàng tiêu dùng.
- Chế biến lương thực, thực phẩm.

- Sản xuất công cụ phục vụ nông nghiệp.
- Dịch vụ công nghiệp...

Điều 2. Các làng (ấp, khóm) đạt các tiêu chí sau đây được xét công nhận là làng nghề tiêu, thủ công nghiệp:

1. Sản xuất sản phẩm không thuộc ngành nghề cấm, hoạt động sản xuất kinh doanh không vi phạm pháp luật.

2. Số hộ hoặc số lao động làm nghề tiêu, thủ công nghiệp đạt từ 20% trở lên trên tổng số hộ hoặc tổng số lao động trong khóm (ấp).

3. Phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu kinh tế văn hóa xã hội ở địa phương và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Đối với các ngành nghề truyền thống đã tồn tại và phát triển lâu đời nhưng do đặc điểm sản phẩm mà thường xuyên có ảnh hưởng đến môi trường (như sản xuất bột,...); nếu người sản xuất và chính quyền địa phương có khắc phục tốt, cũng có thể được xét công nhận là làng nghề.

4. Các làng nghề truyền thống không đạt theo quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng xét thấy có triển vọng phát triển cũng được công nhận là làng nghề với điều kiện có từ 10% số hộ hoặc có từ 100 lao động trong độ tuổi lao động trở lên hoạt động sản xuất tiêu, thủ công nghiệp.

5. Mỗi Làng nghề phải hình thành 1 tổ chức đại diện cho làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền công nhận.

Tổ chức đại diện cho làng nghề trực tiếp bảo vệ quyền lợi người sản xuất, thực hiện việc tiếp nhận và tiếp cận với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, của địa phương đối với hoạt động của làng.

Người đứng đầu tổ chức làng nghề được bầu chọn phải có tâm huyết và uy tín với nghề, có khả năng tuyên truyền vận động nhiều hộ dân trong khu vực, địa phương xây dựng và phát triển làng nghề.

Chương II

TRÌNH TỰ THỦ TỤC XÉT DUYỆT VÀ CÔNG NHẬN LÀNG NGHỀ

Điều 3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có văn bản đề nghị xét công nhận làng nghề cho các làng có nghề tiêu, thủ công nghiệp đạt tiêu chí ở Điều 2 gửi cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã xét có văn bản thống nhất và đề nghị Sở Công nghiệp xem xét, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Sở Công nghiệp có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến các sở, ban, ngành liên quan và hoàn tất các thủ tục trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xét duyệt công nhận làng nghề.

Điều 4. Khi được xét duyệt công nhận làng nghề, sau 3 năm không duy trì được các tiêu chí được quy định tại Điều 2 thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện, thị xã. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã có trách nhiệm tổng hợp các làng nghề hoạt động không đảm bảo các tiêu chí theo quy định, gửi về Sở Công nghiệp để xem xét trình Ủy ban nhân dân Tỉnh thu hồi Quyết định công nhận làng nghề.

Chương III

QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA LÀNG NGHỀ

Điều 5. Quyền lợi của làng nghề:

Được hưởng những chính sách về ưu đãi đầu tư sản xuất tiêu, thủ công nghiệp theo những quy định hiện hành.

Điều 6. Làng nghề có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân, các nghệ nhân cùng cố và phát triển các ngành nghề, phối hợp với các tổ chức sản xuất trong làng, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Thường xuyên nghiên cứu, cải tiến thiết bị, công nghệ sản xuất, đa dạng hơn mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

3. Đảm bảo vệ sinh môi trường, giữ gìn cảnh quan của địa phương.

4. Hằng tháng, quý, năm phải báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước các hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÀNG NGHỀ

Điều 7. Sở Công nghiệp và các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã theo chức năng, quyền hạn được phân cấp bố trí cán bộ theo dõi hoạt động làng nghề và hướng dẫn cụ thể quy định này.

Điều 8. Giao Sở Công nghiệp phối hợp với các sở, ban, ngành Tỉnh liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành các chính sách cụ thể để duy trì và phát triển làng nghề: hằng năm phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức tổng kết và đánh giá hoạt động của làng nghề, việc đầu tư phát triển làng nghề, rút kinh nghiệm, đề xuất các chính sách, bổ sung tiêu chí làng nghề để làm cơ sở cho định hướng phát triển làng nghề những năm tiếp theo.

Điều 9. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã gắn việc khôi phục và phát triển các làng nghề với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương để có kế hoạch đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

Điều 10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phân công cán bộ theo dõi, quản lý hoạt động của làng nghề, đồng thời tổng hợp những kiến nghị của các làng nghề kịp thời phản ánh về các cơ quan có thẩm quyền để xem xét giải quyết.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc các ngành, các địa phương phản ánh về Sở Công nghiệp để tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trương Ngọc Hân